TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/DS-PT
Ngày: 06-3-2019
V/v tranh chấp: "Quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Bà Lâm Ngọc Tuyền

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 296/2018/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1949; (có mặt);

Địa chỉ: 219, Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị C, sinh năm 1944; (có mặt);

Địa chỉ: 267, tổ 8, ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị C là chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1985; (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Bùi Lưu L - Văn phòng luật sư Lạc H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang; (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Văn B, sinh năm 1967; (có mặt);

2. Ông Đặng Văn P, sinh năm 1947; (vắng mặt);

3. Ông Đặng Văn C, sinh năm 1964; (vắng mặt);

4. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960; (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P, ông C, bà P là ông Đặng Văn B, sinh năm 1967; (có mặt);

(Theo văn bản ủy quyền ngày 25/02/2016)

5. Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1985; (có mặt);

6. Anh Nguyễn Hưng T, sinh năm 1982; (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 267, tổ 8, ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiên Giang.

7. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951; (vắng mặt);

8. Bà Võ Thị Mỹ V, sinh năm 1971; (vắng mặt);

9. Anh Võ Hoàng L1, sinh năm 1984; (vắng mặt);

10. Anh Võ Hoàng M, sinh năm 1985; (vắng mặt);

11. Chị Phan Thị Ngọc X, sinh năm 1985; (vắng mặt);

12. Chị Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1980; (vắng mặt);

13. Anh Võ Hoàng T, sinh năm 1978; (vắng mặt);

14. Anh Võ Hoàng L2, sinh năm 1973; (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, chị V, anh L1, anh M, chị H, anh T, anh L2, chị X:

Ông Võ Văn H, sinh năm 1949; (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 13/10/2015 và ngày 26/7/2016).

-*Người kháng cáo:* Bị đơn - Bà Đặng Thị Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

- *Nguyên đơn ông Võ Văn H trình bày:* Hộ gia đình ông quản lý và sử dụng thửa đất số 507 diện tích 7746m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp giấy số 02135 QSDĐ/TH ngày 30/3/1999 (giấy đất cấp cho 2 thửa là thửa 1984 và thửa 507 đang tranh chấp). Vị trí thửa 507 tiếp giáp với các hộ liền kề như sau:

Phía Tây giáp thửa 506 (hộ ông Đặng Văn P) và thửa 351; phía Bắc giáp thửa 285; phía Đông giáp các thửa đất số 350, 508, 509 và 578 (phần đất mồ mả); phía Nam giáp thửa 579, phần đất hiện có 02 ngôi mộ của gia đình bà Đặng Thị C, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trước đây, phía Bắc của thửa 579 giáp với con đường và đường nước phục vụ cho việc bơm nước tưới tiêu cho nhiều hộ gia đình sản xuất nông nghiệp bên trong. Tuy nhiên, lối đi này hiện nay không còn, vì vậy các hộ gia đình có phần đất nông nghiệp đang canh tác phía bên trong không thể đi lại ra đường chính và không bơm nước được, nên gia đình ông Đặng Văn P, Đặng Văn B, Đặng Văn R và Đặng Văn C có hỏi ông để đào đường nước phục vụ việc bơm nước cho sản xuất nông nghiệp của các hộ. Bên cạnh đó, nhiều hộ dân phía bên trong sử dụng đường đi có sẵn, đường này thì song song với đường nước không có lối đi ra đường chính và cũng xin đi vào con đường này. Việc sử dụng đường nước này đã diễn ra gần 20 năm đến năm 1997.

Tháng 8/2015, bà Đặng Thị C tự ý cắm mốc ranh giới phần đất của ông và bà. Bất chấp chính quyền địa phương và nhiều hộ dân phản đối, bà kiên quyết cắm cọc giữa bờ đi của hai bên. Sau khi cắm cọc, bà C cho xây tường rào bê-tông có chiều dài gần 20m, chiều cao hơn nửa mét và tiếp tục phủ hàng rào B40 bên trên. Phần đất còn lại của lối đi tính từ hàng rào của bà C trở ra là thuộc phần đất của ông. Thuyết phục không được nhiều lần, các hộ sử dụng đất liền kề có nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng không có kết quả nên ông đã mở lối đi mới song song với đường nước cho các hộ dân. Sau khi cắm cọc và xây hàng rào xong, đến ngày 17/8/2015 bà C lại lấn chiếm ranh đất của ông bằng cách cho người cắm nhiều trụ bê-tông dưới đường nước thuộc quyền sử dụng của ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án xác định phần đất tranh chấp (hiện có mương nước) có diện tích ngang 0,5mét, dài 20mét, qua đo đạc thực tế là 37,5m^2 thuộc quyền sử dụng đất của ông. Yêu cầu bà C nhổ các cọc bê-tông đã cắm trên phần đất tranh chấp để trả lại diện tích đất này cho ông.

-Bị đơn – Bà Đặng Thị C trình bày: Phần đất mộ của gia đình bà giáp ranh với đất của hộ ông Võ Văn H, trên đất có mộ của cha bà là ông Đặng Văn R và chồng bà tên Nguyễn Văn H, phía bên trong là phần đất của ông B, ông C, ông P, ông R. Ngày xưa chỗ này không có lối đi mà lối đi nằm trên phần đất của ông Bùi Quốc H tiếp giáp hướng Tây phần đất của bà. Còn phần đất của bà tiếp giáp với phần đất ông H ở hướng Bắc chỉ là bờ mẫu, đôi lúc có một số hộ dân dẫn trâu đi trên lối này nhưng không thường xuyên lắm. Từ khi giải quyết việc tranh chấp giữa hộ ông Bùi Quốc H với các hộ trên thì phần lối đi bên phần đất của ông Bùi Quốc H không còn nữa, họ sang hỏi bà đi nhờ và bơm nước trên phần đất của bà với ông H.

Nguồn gốc đất của bà trước năm 1975 do ông Đặng Văn R là cha ruột của bà sử dụng, ông R đã được cấp chứng thư quyền sử dụng đất số 4330503 do Tổng cục Cải cách điền địa cấp ngày 23/6/1971. Năm 1974 ông R chết, để lại toàn bộ phần đất trên cho bà sử dụng ổn định cho đến nay. Năm 1998 bà có đến

cơ quan kê khai để được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng địa chính xã nói đất mộ không kê khai, chờ khi nào có quy định mới sẽ thông báo sau. Ngày 22/4/2015, Ủy ban nhân dân xã T có mời bà đến trụ sở để hướng dẫn lập thủ tục đăng ký cấp giấy đất, sau đó có cán bộ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đến đo đạc nhưng không đo được do diện tích trên bản đồ địa chính khác với diện tích sử dụng.

Ngày 17/5/2015 bà xây hàng rào bao quanh phần đất, ông H không có ý kiến, lúc xây phần đất ngoài hàng rào phía ông H vẫn còn khoảng 1,5mét là đất của bà. Do phần đất của bà và ông H có đường nước, có các hộ ông B, ông P, ông C, ông R đã hỏi bà và ông H bơm nhờ, càng bơm càng sạt lở, để tránh xích mích và tiện quản lý phần đất của mình, bà đã cắm ranh giữa phần đất của bà và ông H vào ngày 16/8/2015, có báo với ông H và nhờ chính quyền ấp đến chứng kiến.

Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H vì bà đã cắm đúng ranh đối với phần đất của mình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đặng Văn B, Đặng Văn P, Đặng Văn C, Nguyễn Thị P thống nhất trình bày:

Các ông bà được ông Võ Văn H đồng ý cho sử dụng một phần của thửa đất số 507, tọa lạc tại ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Phần vị trí đất cụ thể: phía nam giáp với thửa 579 (phần đất hiện có 02 ngôi mộ của gia đình bà Đặng Thị C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Phần đất được sử dụng làm đường nước để bơm nước từ sông vào đồng ruộng tưới tiêu có chiều ngang 1,5mét, dài 20mét.

Tháng 8/2015, bà Đặng Thị C tự cắm mốc ranh giới phần đất của ông Võ Văn H và bà C, cắm cọc giữa bờ đi hai bên. Sau khi cắm cọc bà C cho xây tường rào bê tông và phủ hàng rào lưới B40 bên trên. Phần đất còn lại của lối đi tính từ hàng rào của bà C trở ra thuộc phần đất của ông H cho các ông bà sử dụng. Nhiều lúc các ông bà có nhờ chính quyền ấp, xã can thiệp nhưng không có kết quả, nên ông H đã mở lối đi mới song song với đường nước.

Ngày 17/8/2015, bà C tiếp tục có hành vi lấn chiếm ranh đất của ông H, lấn chiếm phần đất được dùng làm đường nước để bơm nước cho các hộ ông bà sử dụng bằng cách cắm nhiều trụ bê-tông sang phần đất của ông H.

Nay các ông bà thống nhất với yêu cầu của ông H, yêu cầu bà C tháo dỡ 4 trụ bê-tông đã cắm trên đất ông H để trả lại hiện trạng ban đầu.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 296/2018/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 100, 166, 170, 203 của Luật Đất đai; Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H.

Xác định phần đất có diện tích 37,5m^2 là thuộc thửa 507, tờ bản đồ số 2, diện tích 7746m^2, tọa lạc tại xã ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn H, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02135 QSDĐ/TH ngày 30/3/1999 (Có vị trí và sơ đồ đất kèm theo).

Buộc bà Đặng Thị C phải tháo dỡ, di dời 04 trụ bê -tông đã cắm trên đất, trả lại diện tích đất 37,5m^2 cho hộ ông Võ Văn H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

*Ngày 05/11/2018, bị đơn Đặng Thị C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Tiền Giang bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H, giữ nguyên hiện trạng phần đất 37,5m^2 đang tranh chấp cho gia đình bà tiếp tục quản lý sử dụng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Võ Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đặng Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Đặng Văn B yêu cầu hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

-Ý kiến tranh luận và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị C: Thửa 507 của ông Võ Văn H tiếp giáp với thửa 579 của bà Đặng Thị C. Ông H khởi kiện nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa 507 thuộc quyền sử dụng của ông H. Khi bà Ch cắm 04 trụ bê-tông để xác định ranh giới có mời ông H đến chứng kiến nhưng ông H không đến và nói với bà C đất của bà đến đâu thì bà cặm trụ đến đó. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có lấy lời khai những người liên quan là hàng xóm của ông H và bà C nhưng lời khai của những người này không thống nhất với nhau nên không thể xem là chứng cứ. Mặc dù nhà nước chưa công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 579 của bà Ch nhưng căn cứ vào sổ bộ địa chính và kết quả đo đạc thực tế thì diện tích đất của hai bên đều thiếu nếu không cộng thêm phần đất tranh chấp 37,5m^2. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất cho bà C.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Đặng Thị C, bà Nguyễn Thị L, chị Võ Thị Mỹ V, anh Võ Hoàng L1, anh Võ Hoàng M, chị Phan Thị Ngọc X, chị Võ Thị Mỹ H, anh Võ Hoàng T, anh Võ Hoàng L2 vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. Anh Nguyễn Hưng T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc D (người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị C) cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích 37,5m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang từ trước đến nay do gia đình bà quản lý, sử dụng, không nằm trong thửa đất số 507 của ông H. Vì vậy, bà kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, giữ nguyên hiện trạng 37,5m^2 đất tranh chấp cho gia đình bà được tiếp tục quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Ngọc D là người đại diện theo ủy quyền của bà C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và lời trình bày nêu trên. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị C là không có cơ sở bởi các lẽ sau:

Thửa đất số 507, tờ bản đồ số 2, diện tích 7.746m^2 của hộ gia đình ông Võ Văn H đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/3/1999. Thửa đất này có một cạnh (cạnh nam) giáp với thửa 579 (cạnh bắc) của hộ gia đình bà Đặng Thị C. Tuy nhiên, thửa 579 của bà Đặng Thị C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo ông H trình bày trước đây giữa 02 thửa đất 507 và 579 có một bờ đi và đường nước phục vụ cho việc bơm nước tưới tiêu cho nhiều hộ gia đình sản xuất nông nghiệp phía bên trong của hai thửa đất 507 và 579. Sau đó, ông Bùi Văn K đã rào lối đi này và bịt kín đường nước bằng cách chôn hai ngôi mộ của dòng họ ông để chặn lấp đường nước lại, vì vậy các hộ dân phía trong không thể đi lại ra đường chính và cũng không bơm nước được nên có xin ông H đào đường nước mới trên đất của ông H song song với đường nước cũ trước đây để phục vụ sản xuất nông nghiệp và để đi lại ra đến đường chính, được ông H đồng ý. Việc sử dụng đường nước này đã diễn ra từ năm 1997 đến nay. Đến tháng 8 năm 2015, bà C tự ý cắm trụ, xây tường, kéo lưới B40 ở giữa bờ đi làm cản trở việc đi lại của các hộ dân phía trong bất chấp sự phản đối của chính quyền địa phương và các hộ dân phía trong. Như vậy phần đất bên ngoài hàng rào có diện tích thực đo 37,5m^2 (phần đất hiện đang tranh chấp) là một phần thuộc thửa 507 của ông H. Sau khi cắm cọc xây hàng rào xong, đến ngày 17/8/2015, bà C tiếp tục có hành vi lấn chiếm ranh đất bằng cách cho người cắm 04 trụ bê-tông trần diện tích đất của ông H nên phát sinh tranh chấp. Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định 37,5m^2 đất tranh chấp này thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông

H, đồng thời buộc bà C phải tháo dỡ 04 trụ bê-tông để trả lại ông H diện tích đất này.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, bởi lẽ tại phiên tòa ông Đặng Văn B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn P, ông Đặng Văn C, bà Nguyễn Thị P thống nhất với lời trình bày nêu trên của ông Võ Văn H. Ông B phủ nhận việc chị D (đại diện theo ủy quyền của bà C) cho rằng các hộ dân có đất phía trong hỏi xin gia đình bà C đào đường nước và đi nhờ trên đất của bà C. Ông B yêu cầu hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Mặt khác, căn cứ vào kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 15/9/2016 thể hiện: thửa 507+ thửa 579 có tổng diện tích 7.851,8m^2, trong đó thửa 507 có diện tích 7.557,8m^2 thiếu 188,2m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, còn thửa 579 có diện tích 256,5m^2, thiếu 35,5m^2 so với diện tích đất kê khai theo hồ sơ 299. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị D thừa nhận thửa 579 của bà C có một cạnh giáp với đường kênh Ngang, trước đây (chị không nhớ rõ năm nào) chính quyền địa phương có vận động bà C hiến đất tại thửa 579 để mở rộng kênh công cộng và làm đường nông thôn nằm cặp đường kênh Ngang nhưng chị D không nhớ diện tích đất đã hiến là bao nhiêu. Lời trình bày của chị D tại phiên tòa phù hợp với nội dung Công văn số 37/CV-UBND ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân xã T cho biết: Vào năm 1997, nhà nước có vận động các hộ dân nằm cặp đường kênh Ngang hiến đất không đền bù để mở rộng kênh công cộng và năm 2008 tiếp tục vận động dân hiến đất không đền bù để mở rộng đường giao thông nông thôn nằm cặp đường kênh Ngang, vì vậy các thửa đất của các hộ dân đã hiến có thay đổi về hiện trạng và diện tích sử dụng nhưng diện tích giảm từng thửa bao nhiêu thì không xác định được do không có đo đạc, trong đó có thửa 579 của bà Đặng Thị C.

Như vậy, việc ông H trình bày thửa 579 của bà Đặng Thị C qua đo đạc thực tế thiếu 35,5m^2 là do trước đây hiến đất làm kênh và làm đường đi công cộng, còn phần diện tích đất tranh chấp 37,5m^2 bên ngoài hàng rào xây tường, kéo lưới B40 của bà C là một phần diện tích của thửa 507 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy vào ngày 30/3/1999 là có cơ sở. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà C phải tháo dỡ 04 trụ bê-tông trên diện tích đất tranh chấp để trả lại ông H 37,5m^2 đất là có căn cứ phù hợp pháp luật. Bà C kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Xét ý kiến tranh luận và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà C tại phiên tòa không phù hợp với những nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà C không được chấp nhận nên bà C phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100, 166, 170, 203 Luật đất đai;

Căn cứ Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 296/2018/DSST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H.

Xác định phần đất có diện tích 37,5m^2 là thuộc thửa 507, tờ bản đồ số 2 nằm trong diện tích 7.746m^2, tọa lạc tại ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền sử dụng của hộ ông Võ Văn H, đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02135 QSDĐ/TH ngày 30/3/1999. Đất có tứ cận và kích thước như sau:

+Cạnh Bắc dài 20,31 mét;

+Cạnh Nam dài 19,69 mét;

+Cạnh Đông dài 1,46 mét;

+Cạnh Tây dài 2,35 mét.

(Có sơ đồ đất kèm theo).

Buộc bà Đặng Thị C phải tháo dỡ, di dời 04 (bốn) trụ bê-tông đã cắm trên diện tích đất này để trả lại diện tích đất nêu trên cho hộ ông Võ Văn H khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí: Bà Đặng Thị C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Bà C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0008955 ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên bà C còn phải nộp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn tạm ứng án phí 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) cho ông Võ Văn H theo biên lai số 24164 ngày 08/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Thủy